



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Mã số:  
184/XNN/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày trả kết quả:  
24/04/2025  
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 17/04/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 17/04/2025
3. Tên mẫu: **Nước sạch**
4. Vị trí lấy mẫu: Bể chứa nước sạch  
(thuộc **Công trình Cấp nước sạch thôn Đại Phong, xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy**)
5. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
6. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
7. Lưu mẫu: Không ☐ Có ☒
8. Kết quả thử nghiệm:



| TT | Tên thông số     | ĐVT        | Phương pháp thử nghiệm | Kết quả thử nghiệm  | QCĐP 01:2023/QB <sup>(1)</sup><br>Ngưỡng giới hạn |
|----|------------------|------------|------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|
| 1  | Coliform(**)     | CFU/100 mL | QLCN-PP-10             | 0                   | <3                                                |
| 2  | E.coli(**)       | CFU/100 mL | QLCN-PP-11             | 0                   | <1                                                |
| 3  | Clo dư tự do(**) | mg/l       | QLCN-PP-01             | 0,73                | Trong khoảng 0,2-1,0                              |
| 4  | Độ đục(*)        | NTU        | TCVN 6184:1996         | <1                  | 2                                                 |
| 5  | Màu sắc(*)       | TCU        | TCVN 6185:2015         | 8,391               | 15                                                |
| 6  | Mùi, vị(**)      |            | QLCN-PP-13             | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ                               |
| 7  | pH(*)            |            | TCVN 6492:2011         | 7,35                | Trong khoảng 6,0 - 8,5                            |

**Kết luận:** Các thông số được thử nghiệm đạt quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCĐP 01:2023/QB.

**Ghi chú:**

-(1) Quy chuẩn so sánh;

- (\*) Thông số được Valas công nhận;

- (\*\*) Thông số được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận;

- Kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm;

- Cung cấp độ không đảm bảo đo khi có yêu cầu của đơn vị yêu cầu thử nghiệm.

- Thời gian lưu mẫu 7 ngày kể từ thời gian ban hành phiếu kết quả thử nghiệm, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

PHÒNG QUẢN LÝ CẤP NƯỚC

Hoàng Minh Tâm



KẾT GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trường Giang

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 02323.889.868



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Mã số:  
185/XNN/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày trả kết quả:  
24/04/2025  
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 17/04/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 17/04/2025
3. Tên mẫu: **Nước sạch**
4. Vị trí lấy mẫu: Phạm Xuân Lý, thôn Đại Phong, xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy  
(thuộc **Công trình Cấp nước sạch thôn Đại Phong, xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy**)
5. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
6. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
7. Lưu mẫu: Không Có ☒
8. Kết quả thử nghiệm:



| TT | Tên thông số     | ĐVT        | Phương pháp thử nghiệm | Kết quả thử nghiệm  | QCĐP 01:2023/QB <sup>(1)</sup><br>Ngưỡng giới hạn |
|----|------------------|------------|------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|
| 1  | Coliform(**)     | CFU/100 mL | QLCN-PP-10             | 0                   | <3                                                |
| 2  | E.coli(**)       | CFU/100 mL | QLCN-PP-11             | 0                   | <1                                                |
| 3  | Clo dư tự do(**) | mg/l       | QLCN-PP-01             | 0,44                | Trong khoảng 0,2-1,0                              |
| 4  | Độ đục(*)        | NTU        | TCVN 6184:1996         | <1                  | 2                                                 |
| 5  | Màu sắc(*)       | TCU        | TCVN 6185:2015         | <5                  | 15                                                |
| 6  | Mùi, vị(**)      |            | QLCN-PP-13             | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ                               |
| 7  | pH(*)            |            | TCVN 6492:2011         | 7,35                | Trong khoảng 6,0 - 8,5                            |

**Kết luận:** Các thông số được thử nghiệm đạt quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCĐP 01:2023/QB.

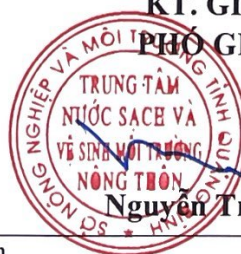
**Ghi chú:**

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (\*) Thông số được Valas công nhận;
- (\*\*) Thông số được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận;
- Kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm;
- Cung cấp độ không đảm bảo đo khi có yêu cầu của đơn vị yêu cầu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày kể từ thời gian ban hành phiếu kết quả thử nghiệm, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

PHÒNG QUẢN LÝ CẤP NƯỚC

Hoàng Minh Tâm

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trường Giang

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình  
Điện thoại: 02323.889.868



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Mã số:  
186/XNN/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày trả kết quả:  
24/04/2025  
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 17/04/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 17/04/2025
3. Tên mẫu: **Nước sạch**
4. Vị trí lấy mẫu: Mai Thị Hương, thôn Đại Phong, xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy  
(thuộc **Công trình Cấp nước sạch thôn Đại Phong, xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy**)
5. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
6. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
7. Lưu mẫu: Không Có ☒
8. Kết quả thử nghiệm:



| TT | Tên thông số     | ĐVT        | Phương pháp thử nghiệm | Kết quả thử nghiệm  | QCĐP 01:2023/QB <sup>(1)</sup><br>Ngưỡng giới hạn |
|----|------------------|------------|------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|
| 1  | Coliform(**)     | CFU/100 mL | QLCN-PP-10             | 0                   | <3                                                |
| 2  | E.coli(**)       | CFU/100 mL | QLCN-PP-11             | 0                   | <1                                                |
| 3  | Clo dư tự do(**) | mg/l       | QLCN-PP-01             | 0,3                 | Trong khoảng 0,2-1,0                              |
| 4  | Độ đục(*)        | NTU        | TCVN 6184:1996         | <1                  | 2                                                 |
| 5  | Màu sắc(*)       | TCU        | TCVN 6185:2015         | 5,495               | 15                                                |
| 6  | Mùi, vị(**)      |            | QLCN-PP-13             | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ                               |
| 7  | pH(*)            |            | TCVN 6492:2011         | 7,33                | Trong khoảng 6,0 - 8,5                            |

**Kết luận:** Các thông số được thử nghiệm đạt quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCĐP 01:2023/QB.

**Ghi chú:**

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (\*) Thông số được Valas công nhận;
- (\*\*) Thông số được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận;
- Kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm;
- Cung cấp độ không đảm bảo đo khi có yêu cầu của đơn vị yêu cầu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày kể từ thời gian ban hành phiếu kết quả thử nghiệm, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

PHÒNG QUẢN LÝ CẤP NƯỚC

Hoàng Minh Tâm

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trường Giang

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình  
Điện thoại: 02323.889.868